

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
VIỆN TIM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
=====o0o=====

HỒ SƠ YÊU CẦU MUA SẮM TRỰC TIẾP

GÓI THẦU : MUA SẮM TRỰC TIẾP HÓA CHẤT VÀ VẬT TƯ
TIÊU HAO DÙNG TRONG XÉT NGHIỆM NĂM 2021

DỰ TOÁN : MUA SẮM HÓA CHẤT VÀ VẬT TƯ TIÊU HAO
DÙNG TRONG XÉT NGHIỆM NĂM 2021

ĐỊA ĐIỂM : 04 DƯƠNG QUANG TRUNG, PHƯỜNG 12,
QUẬN 10, TP.HCM

BÊN MỜI THẦU : VIỆN TIM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NĂM 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ YÊU CẦU
MUA SẮM TRỰC TIẾP

Gói thầu: Mua sắm trực tiếp Hóa chất và vật tư tiêu hao dùng trong xét nghiệm năm 2021

Bên mời thầu: Viện Tim Thành phố Hồ Chí Minh

Địa điểm: Số 04 Dương Quang Trung, Phường 12, quận 10, Tp.Hồ Chí Minh

Phát hành ngày: Ngày 13 tháng 12 năm 2021

Ban hành theo quyết định số: 671/QĐ-VT ngày 13 tháng 12 năm 2021

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 12 năm 2021
Đại diện hợp pháp bên mời thầu
Giám Đốc

Bùi Minh Trọng

NĂM 2021

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 12 năm 2021

THÔNG BÁO MỜI MUA SẴM TRỰC TIẾP

Kính mời: Các Công ty tham dự

Gói thầu: Mua sắm trực tiếp Hóa chất và vật tư tiêu hao dùng trong xét nghiệm năm 2021

- Bên mời thầu: Viện Tim Thành phố Hồ Chí Minh
- Chủ đầu tư: Viện Tim Thành phố Hồ Chí Minh
- Tên gói thầu: Mua sắm trực tiếp Hóa chất và vật tư tiêu hao dùng trong xét nghiệm năm 2021.
- Nguồn vốn: Nguồn thu từ viện phí, từ quỹ Bảo hiểm y tế và các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có) của Viện Tim.
- Hình thức đấu thầu: Mua sắm trực tiếp.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Viện Tim mời tất cả các nhà thầu có nguyện vọng tham gia gói thầu cung cấp hóa chất - vật tư tiêu hao nói trên đến tìm hiểu thêm thông tin tại:

Viện Tim Thành phố Hồ Chí Minh - Phòng Vật tư thiết bị y tế

Địa chỉ: Số 04 đường Dương Quang Trung, Phường 12, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 397 9771

- Phí hồ sơ yêu cầu: 1.000.000 VNĐ (Một triệu đồng chẵn) đã bao gồm VAT, (đóng tiền tại Phòng Tài chính kế toán).
- Thời gian phát hành hồ sơ yêu cầu: từ 13 giờ 30 ngày 13 tháng 12 năm 2021 đến trước 13 giờ 30 ngày 20 tháng 12 năm 2021 (trong giờ làm việc hành chính).
- Địa chỉ nhận HSDX: Phòng Vật tư thiết bị y tế - Viện Tim TP.HCM. Địa chỉ: 04 Dương Quang Trung, Phường 12, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh
- **Thời điểm đóng thầu:** 13 giờ 30 ngày 20 tháng 12 năm 2021
- Bảo đảm dự thầu: không áp dụng
- HSDX sẽ được mở công khai vào lúc: 14 giờ 00 ngày 20 tháng 12 năm 2021 tại Phòng Vật tư thiết bị y tế - Viện Tim Thành phố Hồ Chí Minh.

Viện Tim Thành phố Hồ Chí Minh mời các nhà thầu nộp HSDX và tham dự lễ mở thầu vào thời gian và địa điểm nêu trên./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Các nhà thầu;
- Lưu: VTTBYT.

Bùi Minh Trọng

MỤC LỤC

TỪ NGỮ VIẾT TẮT	1
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU	2
Mục 1. Phạm vi gói thầu	2
Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu	2
Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	2
Mục 4. Tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan	2
Mục 5. Làm rõ, sửa đổi HSDX	4
Mục 6. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi dự thầu	4
Mục 7. Thành phần của HSDX	4
Mục 8. Giá dự thầu	5
Mục 9. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan	5
Mục 10. Hiệu lực của HSDX	6
Mục 11. Quy cách và chữ ký trong HSDX	6
Mục 12. Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSDX và thời hạn nộp HSDX	6
Mục 13. Nhà thầu phụ	7
Mục 14. Đánh giá HSDX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu	7
Mục 15. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị trúng thầu	7
Mục 16. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	7
Mục 17. Điều kiện ký kết hợp đồng	8
Mục 18. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	8
Mục 19. Giải quyết kiến nghị	8
Mục 20. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu	8
Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX	9
Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu	9
Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật	10
Mục 4. Xác định giá chào	11
Chương III. BIỂU MẪU	13
Mẫu số 01	13
Mẫu số 02	14
Mẫu số 03	15
Mẫu số 04	18
Mẫu số 04(a)	19
Mẫu số 04(b)	20
Mẫu số 05	21
Mẫu số 05(a)	22
Mẫu số 05(b)	24

Mẫu số 06.....	25
Mẫu số 07.....	26
Mẫu số 08.....	27
Mẫu số 09.....	28
Mẫu số 10.....	29
Mẫu số 11.....	30
Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU	31
Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hóa	31
Mục 2. Tiến độ cung cấp	31
Mục 3. Yêu cầu về đặc tính kỹ thuật	32
Mục 4. Yêu cầu khác:	32
Chương V. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG	33
Chương VI. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG	39
Chương VII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG	42
Biểu mẫu 12	42
Biểu mẫu 13	45
Biểu mẫu 14	46
PHỤ LỤC I: YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA	47

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CĐT	Chủ đầu tư đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư phát triển, bên mời thầu đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm thường xuyên
CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
HSDX	Hồ sơ đề xuất
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
LĐT	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13
NĐ 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
VND	Việt Nam Đồng

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Bên mời thầu: Viện Tim Thành phố Hồ Chí Minh mời nhà thầu nhận HSYC gói thầu “Mua sắm trực tiếp Hóa chất và vật tư tiêu hao dùng trong xét nghiệm năm 2021”.

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Nguồn thu từ viện phí, từ quỹ Bảo hiểm y tế và các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có) của Viện Tim.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng là: 06 tháng.

4. Số lượng các mặt hàng thuộc gói thầu: gói thầu gồm 52 mặt hàng.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu được coi là có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

5. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: Có áp dụng.

Mục 4. Tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan

Tất cả hàng hóa, dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Nhà thầu phải nêu rõ ký, mã hiệu, nhãn mác (nếu có) và xuất xứ của hàng hóa. Để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp bằng chứng về xuất xứ của các hàng hóa bao gồm các tài liệu sau:

Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa:

1. Tài liệu kỹ thuật hoặc catalogue của nhà sản xuất nêu rõ (đối với từng loại hàng hóa):

- Ký mã hiệu (theo quy định của nhà sản xuất);
- Nhãn mác sản phẩm (theo quy định của nhà sản xuất);
- Tên nhà sản xuất;
- Nguồn gốc, xuất xứ;
- Thông số kỹ thuật hàng hóa;
- Quy cách hàng hóa (nếu có).

Đối với tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt (nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản dịch)

2. Hàng hóa chào thầu phải mới 100% và đóng gói theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất.

3. Nhà thầu cung cấp trong Hồ sơ đề xuất các tài liệu sau:

a. Đối với hàng hóa là Trang thiết bị y tế:

- Cung cấp bản phân loại hàng hóa dự thầu theo quy định tại Nghị định số 36/2016/NĐ-CP, Nghị định số 169/2018/NĐ-CP hoặc theo các quy định hiện hành.

- Hàng hóa cung cấp phải có số lưu hành còn hạn hoặc được cấp phép nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 36/2016/NĐ-CP, Nghị định số 169/2018/NĐ-CP, Nghị định số 03/2020/NĐ-CP cụ thể như sau:

+ Đối với trang thiết bị y tế loại A: Phải cung cấp Phiếu tiếp nhận Hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng loại A.

+ Đối với trang thiết bị y tế loại B, C, D: Phải cung cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu của Bộ Y tế theo quy định (Đối với trang thiết bị y tế không thuộc danh mục phải cấp phép nhập khẩu theo quy định tại Thông tư 30/2015/TT-BYT thì Nhà thầu phải cung cấp Tờ khai hàng hóa nhập khẩu).

- Tài liệu chứng minh nhà thầu đã công bố đủ điều kiện sản xuất hoặc mua bán trang thiết bị y tế theo quy định của Nghị định số 36/2016/NĐ-CP; Nghị định số 169/2018/NĐ-CP và Nghị định số 03/2020/NĐ-CP.

- Phân nhóm theo thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/07/2020 của Bộ Y tế:

+ Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh nhóm hàng hóa dự thầu (theo Điều 4 Thông tư số 14/2020/TT-BYT).

+ Giấy chứng nhận lưu hành tự do được cấp bởi cơ quan nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định tại Nghị định số 111/2011/NĐ-CP.

b. Đối với hàng hóa không phải là Trang thiết bị y tế:

- Nhà thầu cung cấp tờ khai hàng hóa nhập khẩu.

c. Giấy chứng nhận nhà sản xuất đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc tương đương (còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu) đối với các thiết bị được yêu cầu, chi tiết tại Phụ lục đính kèm.

d. Giấy phép/ủy quyền bán hàng hoặc các tài liệu tương đương khác cho tất cả hàng hóa dự thầu (đối với hàng hóa dự thầu là trang thiết bị y tế thì tài liệu này phải tuân theo quy định tại khoản 6 Điều 7 thông tư 14/2020/TT-BYT).

Trường hợp, HSDX của nhà thầu thiếu tài liệu trên, Bên mời thầu sẽ yêu cầu nhà thầu bổ sung, làm rõ theo quy định. Trường hợp nhà thầu không cung cấp được thì sản phẩm dự thầu của nhà thầu được coi là không hợp lệ. Trường hợp giấy phép/ủy quyền bán hàng do cơ quan nước ngoài cấp thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định tại Nghị định số 111/2011/NĐ-CP.

** Các tài liệu quy định tại mục a, mục c và mục d nếu sử dụng bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch sang tiếng Việt Nam, của cơ quan có chức năng dịch thuật và chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác của nội dung dịch thuật khi phát hành. Nếu là bản chụp có công chứng tại phòng công chứng hoặc có chứng thực của Ủy ban Nhân Dân cấp phường xã hoặc quận huyện khi có yêu cầu của Bên mời thầu.*

Mục 5. Làm rõ, sửa đổi HSYC

1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC thì gửi văn bản đến bên mời thầu trước ngày có thời điểm đóng thầu. Nội dung làm rõ HSYC được thể hiện bằng văn bản.

2. Trường hợp sửa đổi HSYC, bên mời thầu có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC đến nhà thầu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi dự thầu

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.

2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

3. Tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc tham dự thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 7. Thành phần của HSDX

Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu, thuật ngữ, thông số, yêu cầu về phạm vi cung cấp và các yêu cầu khác trong HSYC để chuẩn bị HSDX của mình gồm tất cả thông tin, tài liệu theo quy định của HSYC, sắp xếp tài liệu trong HSDX theo trình tự sau:

1. Mục lục (Ghi rõ tài liệu này thuộc số trang cụ thể trong HSDX)
2. Đơn dự thầu mua sắm trực tiếp
3. Thỏa thuận liên danh (nếu có)
4. Giấy ủy quyền (nếu có)
5. Giấy phép đăng ký kinh doanh
6. Xác nhận đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
7. Tài liệu chứng minh nhà thầu đã công bố đủ điều kiện sản xuất hoặc mua bán trang thiết bị y tế
8. Đề xuất về giá theo Mẫu số 04, Mẫu số 04a, Mẫu số 04b
9. Mẫu số 5a, Mẫu số 5b
10. Phạm vi và tiến độ cung cấp
11. Hồ sơ tài chính bao gồm: Các tài liệu liên quan đến nghĩa vụ thuế; Báo cáo tài chính

12. Hợp đồng tương tự
13. Nhân sự chủ chốt
14. Tài liệu kỹ thuật liên quan đến hàng hóa dự thầu (*)
15. Các văn bản khác (nếu có).

(*) Các tài liệu kỹ thuật liên quan đến hàng hóa dự thầu:

Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa phải được để đúng thứ tự lần lượt theo danh mục hàng hóa dự thầu. Mỗi hàng hóa phải được đính kèm các tài liệu sau:

- Giấy phép bán hàng của nhà sản xuất;
- Bản phân loại hàng hóa dự thầu và các tài liệu liên quan (đánh dấu bằng bút dạ quang vào các hàng hóa dự thầu)
- Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành (số lưu hành) hoặc giấy phép nhập khẩu (đánh dấu bằng bút dạ quang vào các hàng hóa dự thầu);
- Giấy chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE, FDA hoặc tương đương;
- Tài liệu chứng minh phân nhóm theo Thông tư 14/2020/TT-BYT (đánh dấu bằng bút dạ quang vào các hàng hóa dự thầu);
- Tài liệu kỹ thuật, catalogue (đánh dấu bằng bút dạ quang vào các nội dung kỹ thuật đáp ứng theo yêu cầu của HSYC);
- Các tài liệu khác.

Ghi chú: HSDX phải được đánh số trang theo thứ tự liên tục. Tại các mẫu kê khai có yêu cầu, nhà thầu phải nêu rõ các đáp ứng của hàng hóa được tham chiếu tại số trang cụ thể trong HSDX.

6. Các nội dung khác:

Nhà thầu cung cấp 01 USB chứa file excel (hay file word) dữ liệu các Mẫu số 04, Mẫu số 04(a), Mẫu số 04(b); Bảng Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa;

Bên mời thầu có quyền yêu cầu nhà thầu bổ sung USB chứa file dữ liệu nếu USB của nhà thầu nộp cùng HSDX bị lỗi kỹ thuật.

Mục 8. Giá dự thầu

1. Giá dự thầu do nhà thầu ghi trong đơn đề xuất mua sắm trực tiếp bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC.

2. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV – Phạm vi cung cấp và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc theo Mẫu số 04, 04(a), 04(b) Chương III - Biểu mẫu.

Mục 9. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan

1. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của HSYC, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDX chứng minh rằng hàng hóa đáp ứng thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương IV – Phạm vi cung cấp.

2. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ,

giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ đối với thông số kỹ thuật và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương IV – Phạm vi cung cấp.

Mục 10. Hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX phải bảo đảm theo yêu cầu là **60 ngày** kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, bên mời thầu có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

Mục 11. Quy cách và chữ ký trong HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một (01) bản gốc và hai (02) bản chụp HSDX, ghi rõ "bản gốc HSDX" và "bản chụp HSDX" tương ứng. Nhà thầu cần ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu bên ngoài túi đựng HSDX. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

2. Tất cả các thành phần nêu tại Mục 7 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký, đóng dấu. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thảo thuận liên danh.

3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên phải bao gồm chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn đề xuất mua sắm trực tiếp.

Mục 12. Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSDX và thời hạn nộp HSDX

- Phong bì chứa HSDX bên ngoài có ghi rõ tên nhà thầu, địa chỉ, số điện thoại nhà thầu.
- Tất cả các trang trong HSDX phải có chữ ký tắt trên HSDX.
- Cách trình bày các thông tin trên HSDX và phong bì đựng HSDX:

Tên nhà thầu	BẢN GỐC HAY BẢN CHỤP
Điện thoại/ fax	
Kính gửi: VIỆN TIM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
Địa chỉ: Số 04, Dương Quang Trung, Phường 12, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh	
HỒ SƠ ĐỀ XUẤT	
Gói thầu: Mua sắm trực tiếp Hóa chất và vật tư tiêu hao dùng trong xét nghiệm năm 2021	
Chủ đầu tư: VIỆN TIM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	

- **Hạn chót nộp HSDX:** HSDX do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu: **13 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 12 năm 2021**, tại Viện Tim Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: 04 Dương Quang Trung, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Mục 13. Nhà thầu phụ

1. Trường hợp nhà thầu cần sử dụng nhà thầu phụ thì phải kê khai danh sách thầu phụ theo Mẫu số 05 Chương III – Biểu mẫu. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu chính. Nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách nhà thầu phụ đã kê khai chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu chính chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá 25% giá dự thầu của nhà thầu.

3. Nhà thầu phụ đặc biệt: không được phép sử dụng.

Mục 14. Đánh giá HSDX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

2. Trong quá trình đánh giá HSDX, bên mời thầu được mời nhà thầu đến giải thích, làm rõ, sửa đổi, bổ sung các thông tin cần thiết của HSDX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu nhằm chứng minh sự đáp ứng của nhà thầu theo yêu cầu của HSYC về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, chất lượng, biện pháp cung cấp hàng hóa.

Việc thương thảo hợp đồng còn bao gồm đàm phán các nội dung cần thiết về đề xuất tài chính của nhà thầu, kể cả việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có).

Mục 15. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị trúng thầu

Nhà thầu được đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;
2. Có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của HSYC;
3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật;
4. Có giá đề nghị trúng thầu (giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá) không vượt giá gói thầu được duyệt.
5. Đơn giá trúng thầu không cao hơn đơn giá trong hợp đồng như sau: *Xem phụ lục 01 của Hồ sơ yêu cầu.*
6. Trường hợp có nhiều nhà thầu dự thầu và đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá theo Chương II, nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất sẽ được lựa chọn.

Mục 16. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, bên mời thầu đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo đấu thầu theo quy định, đồng thời gửi văn bản thông

báo kết quả lựa chọn nhà thầu.

Mục 17. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSYC thì chủ đầu tư sẽ không tiến hành ký kết hợp đồng với nhà thầu. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 18. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu được trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc với nội dung và yêu cầu như quy định tại ĐKCT. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu thư bảo lãnh quy định tại HSYC này hoặc một mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;

b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;

c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 19. Giải quyết kiến nghị

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham dự thầu khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII Nghị định 63/CP.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư: Viện Tim Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: 04 Dương Quang Trung, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền:

- Viện Tim Thành phố Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: 04 Dương Quang Trung, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

- Email: benmoithauvtyt.vientim@gmail.com

- Số điện thoại: (028) 3865 1586 – 3979 7771

Mục 20. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi,

giám sát theo địa chỉ sau: Không có.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

1.1. Kiểm tra HSDX

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo quy định tại Mục 7 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn dự thầu mua sắm trực tiếp được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo quy định của HSYC. Đối với nhà thầu liên danh, đơn đề xuất mua sắm trực tiếp phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn đề xuất mua sắm trực tiếp theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn đề xuất mua sắm trực tiếp phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;
- d) Giá dự thầu ghi trong đơn phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu;
- đ) Hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- e) Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); trong đó nêu rõ nội dung công việc cụ thể, ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên liên danh đảm nhận;
- f) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.
- g) Bảo đảm dự thầu: Không áp dụng.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu

TT	Nội dung yêu cầu	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)
1	Kinh nghiệm: Nhà thầu tham dự mặt hàng nào thì cung cấp Bản chụp được chứng thực của cơ quan có thẩm quyền của hợp đồng được áp thầu nêu tại khoản 5 Mục 15 Chương I HSYC.	Đáp ứng theo yêu cầu
2	Năng lực tài chính	

TT	Nội dung yêu cầu	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)
	<p>Hồ sơ tài chính đính kèm: Nhà thầu nộp báo cáo tài chính năm 2020 (kèm thông báo xác nhận nộp Bộ báo cáo tài chính của cơ quan thuế) và Bản chụp được chứng thực của cơ quan có thẩm quyền của một trong các tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản kiểm tra quyết toán thuế; - Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai; - Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử; - Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế; - Báo cáo kiểm toán; - Các tài liệu khác. 	Đáp ứng theo yêu cầu
3	<p>Nhân sự chủ chốt 01 Cán bộ quản lý: Bằng tốt nghiệp đại học trở lên (công chứng hoặc chứng thực còn hiệu lực)</p>	Đáp ứng theo yêu cầu

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
1. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa theo yêu cầu tại Mục 3 Chương IV	Hàng hóa có đặc tính kỹ thuật phù hợp, đáp ứng yêu cầu của HSYC.	Đạt
	Hàng hóa có đặc tính kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của HSYC.	Không đạt
2. Yêu cầu khác: cam kết theo yêu cầu tại Mục 4 Chương IV	Có cam kết đáp ứng theo yêu cầu.	Đạt
	Không có cam kết hoặc có nhưng không đáp ứng đúng và đầy đủ theo yêu cầu.	Không đạt
3. Quy định về phân nhóm và dự thầu vào các nhóm theo quy định theo Thông tư số	Hàng hóa dự thầu phải: - Đáp ứng quy định về phân nhóm theo yêu cầu (phụ lục 1 của HSYC) - Phân nhóm của kết quả thầu trước đó đúng theo yêu cầu (phụ lục 1 của HSYC)	Đạt

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
14/2020/TT-BYT đối với các thiết bị là trang thiết bị y tế	Hàng hóa không đáp ứng quy định về phân nhóm theo yêu cầu	Không đạt
4. Hàng hóa dự thầu đáp ứng yêu cầu về tài liệu theo quy định tại Mục 4 Chương I	Hàng hóa dự thầu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về tài liệu theo quy định.	Đạt
	Hàng hóa dự thầu không đáp ứng yêu cầu về tài liệu theo quy định.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn 1,2,3,4 được xác định là đạt.	Đạt
	Có một tiêu chuẩn xác định không đạt.	Không đạt

Ghi chú:

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các Mục 1, 2, 3 được đánh giá là **Đạt**. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các Mục 1, 2, 3 thì được đánh giá là **Không đạt** và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số

lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSYC;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà thầu chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong HSDX của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSDX của nhà thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDX của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu này; trường hợp HSDX của nhà thầu không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN DỰ THẦU MUA SẮM TRỰC TIẾP

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: **VIỆN TIM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu, chúng tôi, _____ [*Ghi tên nhà thầu*], cam kết thực hiện gói thầu “Mua sắm trực tiếp Hóa chất và vật tư tiêu hao dùng trong xét nghiệm năm 2021” theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là _____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu*]. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [*Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu*].

Chúng tôi cam kết không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi cam kết thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất này là trung thực và không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Chúng tôi cam kết không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều kiện chung của hợp đồng trong hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ đề xuất có hiệu lực là ____ ngày [*Ghi số ngày*], kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Ghi ngày có thời điểm đóng thầu*].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾
[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đề xuất mua sắm trực tiếp thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đề xuất mua sắm trực tiếp thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này). Nếu nhà thầu được trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án ____ [*Ghi tên dự án*] do ____ [*Ghi tên bên mời thầu*] tổ chức:

[- Ký đơn đề xuất;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà thầu*]. ____ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]*

Người ủy quyền

*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà
thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn đề xuất. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH ⁽¹⁾

_____, ngày . tháng . năm _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽²⁾ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];
- Căn cứ⁽²⁾ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];
- Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu [Ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án [Ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án [Ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

- [- Ký đơn đề xuất;*
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;*
- Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng;*
- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;*
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].*

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc từng thành viên đảm nhận trong liên danh như sau⁽⁴⁾:

Stt	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....		
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án [Ghi tên dự án] theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành bản, mỗi bên giữ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH⁽⁵⁾ *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH *[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

(5) Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
	Tổng cộng giá chào <i>(Kết chuyển sang đơn đề xuất mua sắm trực tiếp)</i>	(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

STT	STT theo HSYC	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại của hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng áp thầu	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm			Phân loại trang thiết bị y tế (A,B,C,D)	Phân nhóm theo Thông tư 14	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (Cột 6x10)
							Ký mã hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất				
1	2	3	4	5	6	7	8			9	10	11	12
	1												M1
	2												M2
	...												
	n												Mn
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>													M=M1+M2... +Mn

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (6), (8), (9), (10), (11) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (11) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 04b. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

BẢNG GIÁ CHÀO CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

1	2	3	4	5	6	7	8
TT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá	Thành tiền (Cột 3x7)
<p>Tổng giá chào cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i></p>							I

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (7) và cột (8) do nhà thầu chào.

BẢN KÊ KHAI PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ⁽²⁾	Phạm vi công việc⁽³⁾	Khối lượng công việc⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có)⁽⁶⁾
1					
2					
...					

Ghi chú:

- (1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ thì kê khai theo Mẫu này.
- (2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ.
- (3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.
- (4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.
- (5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá chào.
- (6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có), nhà thầu phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: **VIỆN TIM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu do Viện Tim Thành phố Hồ Chí Minh phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết các nội dung sau:

- Cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để cung cấp hàng hóa có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, bảo đảm kỹ thuật, chất lượng theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu trước đó và theo đúng quy định của hồ sơ yêu cầu.

- Hàng hóa Nhà thầu được các cơ quan có thẩm quyền cấp phép sử dụng và lưu hành trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Phẩm chất, chất lượng đúng theo các chỉ tiêu do nhà sản xuất đưa ra và có đủ giấy tờ về xuất xứ, chất lượng, nước sản xuất;

- Hàng hóa được giao mới 100%, chưa qua sử dụng, được bảo quản trong kho và bảo quản trong quá trình vận chuyển đáp ứng yêu cầu của nhà sản xuất; hàng được giao tại kho Phòng vật tư thiết bị y tế của Viện Tim

- Hàng hóa được giao đúng với giá trúng thầu (kể cả khi có trượt giá trong năm). Trong trường hợp có giá trúng thầu tại đơn vị khác thấp hơn giá trúng thầu tại Viện Tim (trong năm 2021), nhà thầu phải điều chỉnh giảm cho Viện Tim và hoàn trả khoản chênh lệch cho Viện Tim.

- Cam kết hàng hóa chào thầu phải mới 100% và đóng gói theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất.

- Cam kết hàng hóa phải có nhãn hoặc có kèm theo nhãn phụ với đầy đủ các thông tin theo quy định tại Nghị định số 36/2016/NĐ-CP, Nghị định số 169/2018/NĐ-CP hoặc theo các quy định hiện hành.

- Cam kết về hạn sử dụng hàng hóa đáp ứng các điều kiện sau

- + Hạn dùng còn ≥ 09 tháng đối với hóa chất có hạn dùng từ 02 năm trở lên;
- + Hạn dùng còn ≥ 06 tháng đối với hóa chất có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm;
- + Hạn dùng còn $\geq 1/4$ hạn dùng đối với hóa chất có hạn dùng dưới 01 năm.

Riêng đối với Hóa chất xét nghiệm ≥ 03 tháng

- Thu hồi hàng hóa trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư.

- Cung cấp hàng hóa theo yêu cầu trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng đột xuất của Chủ đầu tư.

- Nhà thầu sẽ cung cấp tài liệu như sau khi thực hiện hợp đồng và khi có yêu cầu của Bên mời thầu:

(i) Đối với hàng hóa nhập khẩu: Giấy chứng nhận xuất xứ (CO)- nếu có; giấy chứng nhận chất lượng (CQ) – nếu có; tờ khai hải quan kèm vận đơn, packing list. Các

giấy tờ đều phải được công chứng/ chứng thực (trừ tờ khai hải quan, vận đơn, packing list).

(ii) Đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam: Hồ sơ chứng nhận chất lượng xuất xưởng; và chứng nhận đủ điều kiện lưu hành đối với thiết bị y tế theo quy định.

- Cho phép thanh toán sau khi giao hàng, giao hóa đơn: trong vòng 120 ngày

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

DANH MỤC HÀNG HÓA DỰ THẦU

Tên nhà thầu:
 Địa chỉ:
 Email:
 Số điện thoại người phụ trách thầu:

Yêu cầu của HSYC						Đáp ứng yêu cầu trong HSDX														
STT theo HSYC	Danh mục hàng hóa theo HSYC	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm theo Thông tư 14	Tên hàng hóa dự thầu	Quy cách đóng gói	Tên thương mại	Chủng loại (Model/ Ký mã hiệu)	Số lưu hành hoặc số GPNK	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Số lượng dự thầu	Đặc tính kỹ thuật hàng hóa	Nhóm hàng hóa dự thầu	Đánh giá về kỹ thuật Đạt/K.Đạt	Trang tham chiếu trong HSDX
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)

..., ngày tháng ... năm

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
 (Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Các cột (1) (2), (3), (4), (5), (6): Nhà thầu nhập các nội dung này theo HSYC cho các hàng hóa mà nhà thầu tham dự
 - Các cột (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (14), (15), (16), (17), (18): Ghi cụ thể theo hàng hóa dự thầu.
 - Cột (19): Ghi cụ thể nhóm của hàng hóa dự thầu theo quy định tại thông tư 14/2020/TT-BYT ngày 10/07/2020 của Bộ Y tế
 - Cột (20): Nhà thầu tự đánh giá đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa dự thầu so với yêu cầu của HSYC.
 - Cột (21): Nhà thầu phải nêu rõ các đáp ứng của hàng hóa được tham chiếu tại số trang cụ thể trong HSDX. Các nội dung tham chiếu tối thiểu bao gồm:
 - + Đáp ứng về đặc tính kỹ thuật
 - + Giấy chứng nhận chất lượng CE / ISO / FDA....
 - + Giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có)
- * Mẫu này dùng để phục vụ đánh giá về kỹ thuật hàng hóa chào thầu của nhà thầu. Yêu cầu nhà thầu phải điền đầy đủ và chính xác. Nhà thầu tự chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định.**

HỢP ĐỒNG TƯỞNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần đảm bảo các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[Ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[Ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[Ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng	[Ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương	_____ VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên doanh hoặc nhà thầu phụ, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	[Ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]	[Ghi số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương _____ VND
Tên dự toán mua sắm:	[Ghi tên đầy đủ của dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]		
Tên chủ đầu tư:	[Ghi tên đầy đủ của chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[Ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của chủ đầu tư]		
Điện thoại/fax:	[Ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]		
E-mail:			
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 1 Chương II			
1. Loại hàng hóa	[Ghi thông tin phù hợp]		
2. Về giá trị	[Ghi số tiền quy đổi ra VND]		
3. Về quy mô thực hiện	[Ghi quy mô theo hợp đồng]		
4. Các đặc tính khác	[Ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]		

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

KÊ KHAI NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT, KINH DOANH CHÍNH

1. Tên nhà thầu: _____

Địa chỉ: _____

2. Kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính

a. Sản xuất:

- _____⁽¹⁾ từ năm: _____ đến năm: _____

- _____ từ năm: _____ đến năm: _____

...

b. Kinh doanh:

- _____⁽²⁾ từ năm: _____ đến năm: _____

- _____ từ năm: _____ đến năm: _____

...

3. Số lượng, chủng loại, doanh thu đối với các sản phẩm sản xuất, kinh doanh chính trong thời gian 01 năm gần nhất tính thời điểm đóng thầu:

a. Sản xuất:

b. Kinh doanh:

4. Tổng số lao động hiện có:

a. Trong lĩnh vực sản xuất:

Trong đó, cán bộ chuyên môn: ⁽⁴⁾

b. Trong lĩnh vực kinh doanh:

Trong đó, cán bộ chuyên môn: ⁽⁴⁾

_____, ngày ___ tháng ___ năm ___
Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Ghi lĩnh vực sản xuất chính

(2) Ghi lĩnh vực kinh doanh chính

(4) Ghi theo yêu cầu cụ thể của chương II Mục 2

KÊ KHAI NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU

____, ngày __ tháng __ năm __

Tên nhà thầu: _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

A. Tóm tắt các số liệu về tài chính trong năm 2020 tài chính:

Đơn vị tính: _____ [Ghi loại tiền]

TT		Năm 2020
1	Tổng tài sản	
2	Tổng nợ phải trả	
3	Tài sản ngắn hạn	
4	Tổng nợ ngắn hạn	
5	Doanh thu	
6	Lợi nhuận trước thuế	
7	Lợi nhuận sau thuế	
8	Các nội dung khác (nếu có yêu cầu)	

B. Tài liệu gửi đính kèm: nhằm đối chứng với các số liệu mà nhà thầu kê khai, nhà thầu nộp Báo cáo tài chính và bản sao y được chứng thực của một trong các tài liệu sau:

1. Biên bản kiểm tra quyết toán thuế của nhà thầu (nếu có) trong năm gần nhất là: năm 2020
2. Tờ khai tự quyết toán thuế hàng năm theo quy định của pháp luật về thuế (Thuế GTGT và thuế TNDN) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm nhà thầu nộp tờ khai trong năm gần nhất: năm 2020
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định của pháp luật năm 2020

Lưu ý: Trong trường hợp báo cáo thuế qua mạng, nhà thầu phải nộp: báo cáo tài chính được in từ dữ liệu của cơ quan thuế và phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên đóng dấu.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Trong trường hợp liên danh, yêu cầu từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

GIẤY PHÉP BÁN HÀNG THUỘC BẢN QUYỀN CỦA NHÀ SẢN XUẤT

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Ghi tên bên mời thầu*]

(sau đây gọi là bên mời thầu)

Theo đề nghị của _____ [*Ghi tên nhà thầu tham dự thầu*] (sau đây gọi là “nhà thầu”) sẽ tham dự đấu thầu cung cấp _____ [*Ghi tên hàng hóa*] cho gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự toán mua sắm _____ [*Ghi tên dự toán mua sắm*].

Chúng tôi, _____ [*Ghi tên nhà sản xuất*] được thành lập và hoạt động từ ngày ____ tháng ____ năm ____, sản xuất các loại hàng hóa _____ [*Ghi tên hàng hóa cung cấp*] và có địa chỉ tại _____ [*Ghi địa chỉ của nhà sản xuất*]. Bằng văn bản này, chúng tôi cho phép nhà thầu được sử dụng hàng hóa do chúng tôi sản xuất để chào trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu.

Chúng tôi xin cam đoan sẽ cung cấp đầy đủ các loại hàng hóa nêu trên cho nhà thầu để cung cấp cho bên mời thầu và đảm bảo việc bảo hành hàng hóa theo hợp đồng cung cấp được ký kết giữa chủ đầu tư và nhà thầu.

Đại diện hợp pháp của nhà sản xuất

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu nếu có*]

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

- Đối với từng vị trí công việc quy định tại Mẫu này thì nhà thầu phải kê khai các thông tin chi tiết theo Mẫu số 11

- Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt có năng lực phù hợp đáp ứng các yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX

1	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
2	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
3	Vị trí công việc
	Tên
4	Vị trí công việc
	Tên
5	Vị trí công việc
	Tên

BẢN LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu dưới đây và phải gửi kèm theo bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan.

Vị trí		
Thông tin nhân sự	Tên	Ngày, tháng, năm sinh:
	Trình độ chuyên môn	
Công việc hiện tại	Tên của người sử dụng lao động	
	Địa chỉ của người sử dụng lao động	
	Điện thoại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)
	Fax	E-mail
	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU

Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hóa

Phạm vi cung cấp hàng hóa được bên mời thầu đưa vào HSYC, bao gồm mô tả về các hàng hóa được yêu cầu cũng như tiến độ cung cấp.

Thông tin trong Bảng phạm vi cung cấp hàng hóa để hỗ trợ nhà thầu chuẩn bị HSDX một cách hiệu quả và chính xác khi lập Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu tương ứng quy định tại Chương III – Biểu mẫu. Phạm vi cung cấp hàng hóa được mô tả theo Bảng dưới đây:

Bảng số 1. Phạm vi cung cấp hàng hóa

1	2	3	4	5	6
STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu, xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng áp thầu	Mô tả
1					- Hàng hóa mới 100%. - Yêu cầu về kỹ thuật tương ứng tại mục 3 Chương IV
2					
...					
n					

Bảng số 2. Dịch vụ liên quan

TT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ

Mục 2. Tiến độ cung cấp

Bảng tiến độ cung cấp

Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ cung cấp	Địa điểm cung cấp
1	Theo danh mục phạm vi cung cấp	Theo danh mục phạm vi cung cấp	Theo danh mục phạm vi cung cấp	Tối đa 48 giờ kể từ khi nhận đơn hàng	Viện Tim Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: 04 Dương Quang Trung, Phường 12, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh

Mục 3. Yêu cầu về đặc tính kỹ thuật

Nhà thầu phải có bảng liệt kê đặc tính kỹ thuật chứng minh hàng hóa dự thầu đáp ứng các yêu cầu sau:

Xem phụ lục 01 HSYC

Hàng hóa phải đáp ứng các yêu cầu về quy cách, đặc tính kỹ thuật, và các yêu cầu khác như quy định tại phụ lục của HSYC.

Sản phẩm dự thầu phù hợp với hàng hóa mời thầu trong Phụ lục của HSYC hoặc hàng hóa dự thầu tương đương về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, trong đó các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa mời thầu cũng như các thông tin về nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalogue (nếu có) trong Phụ lục của HSYC nêu trên chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu, trong mọi trường hợp, nhà thầu có thể chào hàng hóa với chủng loại, đặc tính kỹ thuật tương đương.

Mục 4. Yêu cầu khác:

- 4.1. Yêu cầu về phạm vi cung cấp: Theo quy định tại mục 1 chương IV.
- 4.2. Yêu cầu về tiến độ cung cấp: Theo yêu cầu tại mục 2 chương IV.
- 4.3. Yêu cầu khác: Nhà thầu có cam kết đáp ứng đủ các nội dung theo Mẫu số 05(a).

Chương V. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

<p>1. Định nghĩa</p>	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại ĐKCT;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là Nhà thầu trúng thầu (có thể là Nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại ĐKCT;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là một cá nhân hay tổ chức có tên trong danh sách các Nhà thầu phụ do Nhà thầu chính đề xuất trong HSDX hoặc Nhà thầu thực hiện các phần công việc mà Nhà thầu chính đề xuất trong HSDX; ký Hợp đồng với Nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng theo nội dung đã kê khai trong HSDX được Chủ đầu tư chấp thuận;</p> <p>1.5. “Tài liệu Hợp đồng” nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. "Giá hợp đồng" là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch;</p> <p>1.8. "Hàng hóa" bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng; vật tư y tế dùng cho các cơ sở y tế;</p> <p>1.9. "Dịch vụ liên quan" bao gồm các dịch vụ như hạn dùng, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ;</p> <p>1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.11. "Địa điểm dự án" là địa điểm được quy định tại ĐKCT.</p>
<p>2. Thứ tự ưu tiên</p>	<p>Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>2.1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p> <p>2.2. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>2.3. ĐKCT;</p> <p>2.4. ĐKC;</p> <p>2.5. HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của Nhà thầu;</p> <p>2.6. HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có);</p> <p>2.7. Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.</p>
<p>3. Luật và ngôn ngữ</p>	<p>Luật điều chỉnh hợp đồng là luật của Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
<p>4. Ủy quyền</p>	<p>Trừ khi có quy định khác trong ĐKCT, Chủ đầu tư có thể ủy quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định ủy quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản</p>

	cho Nhà thầu.
5. Thông báo	<p>5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại ĐKCT.</p> <p>5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	<p>6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại ĐKCT. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực quy định tại ĐKCT.</p> <p>6.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.</p>
7. Nhà thầu phụ	<p>7.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDX. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ ngoài danh sách các Nhà thầu phụ đã được nêu tại Mục này chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>7.2. Nhà thầu không được sử dụng Nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng Nhà thầu phụ nêu trong HSDX.</p> <p>7.3. Yêu cầu khác về Nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT.</p>
8. Giải quyết tranh chấp	<p>8.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>8.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại ĐKCT.</p>
9. Phạm vi cung cấp	Hàng hóa phải được cung cấp theo quy định tại Chương IV – Phạm vi cung cấp và được đính kèm thành Phụ lục bảng giá hợp đồng và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại hàng hóa mà Nhà thầu phải cung cấp cùng với đơn giá của các loại hàng hóa đó.
10. Tiến độ cung cấp hàng hoá, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	Tiến độ cung cấp hàng hoá và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương IV – Phạm vi cung cấp. Nhà thầu phải cung cấp các hoá đơn và/hoặc các chứng từ tài liệu khác theo quy định tại ĐKCT .
11. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ Hàng hóa và các Dịch vụ liên quan (nếu có) trong Phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 ĐKC và theo tiến độ cung cấp hàng hoá, lịch hoàn thành các dịch vụ

	liên quan quy định tại Mục 10 ĐKC.
12. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	<p>12.1. Loại hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.</p> <p>12.2. Giá hợp đồng quy định tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có).</p> <p>12.3. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.</p>
13. Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng	Việc điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng thực hiện theo quy định tại ĐKCT.
14. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT.
15. Thanh toán	Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu theo các nội dung quy định trong ĐKCT.
16. Bản quyền	Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Nhà thầu đã cung cấp cho Chủ đầu tư.
17. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	<p>17.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, sơ đồ, bản vẽ, kiểu dáng, mẫu mã, thông tin do Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này.</p> <p>17.2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được sử dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào quy định tại Mục 18.1 ĐKC này vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng.</p> <p>17.3. Các tài liệu quy định tại Mục 17.1 ĐKC thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư. Khi Chủ đầu tư có yêu cầu, Nhà thầu phải trả lại cho Chủ đầu tư các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.</p>
18. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	Hàng hóa và các dịch vụ liên quan được cung cấp theo Hợp đồng này sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đề cập tại Mục 3 Chương IV – Phạm vi cung cấp; nếu tại Mục 3 Chương IV không đề cập đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ theo thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.
19. Đóng gói hàng hoá	Nhà thầu sẽ phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu quy định tại ĐKCT phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để

	<p>chuyển hàng hóa từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm hàng hóa không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.</p>
20. Bảo hiểm	<p>Hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định tại ĐKCT.</p>
21. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh	<p>Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác được quy định tại ĐKCT.</p>
22. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa	<p>22.1. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại ĐKCT.</p> <p>22.2. Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu.</p> <p>22.3. Khi thực hiện các nội dung quy định tại Mục 22.1 và Mục 22.2 ĐKC, Nhà thầu không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.</p>
23. Bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng	<p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 25 ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại ĐKCT tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại ĐKCT. Khi đạt đến mức tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 28 ĐKC.</p>
24. Hạn dùng	<p>24.1. Nhà thầu bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo, trừ khi có quy định khác nêu tại ĐKCT. Ngoài ra, Nhà thầu cũng phải bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của hàng hóa.</p>

	<p>24.2. Yêu cầu về hạn dùng đối với hàng hóa quy định tại ĐKCT.</p>
25. Bất khả kháng	<p>25.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.</p> <p>25.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.</p> <p>25.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.</p> <p>Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 8 ĐKC.</p>
26. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng	<p>26.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo hợp đồng mang tính đặc chủng được đặt hàng sản xuất cho riêng Chủ đầu tư; b) Bổ sung hạng mục công việc, hàng hóa hoặc dịch vụ cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng; c) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; d) Thay đổi địa điểm giao hàng; đ) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; e) Các nội dung khác quy định tại ĐKCT. <p>26.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.</p>
27. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	<p>Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:</p> <p>27.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>27.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;</p> <p>27.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà</p>

	<p>không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p> <p>27.4. Các trường hợp khác quy định tại ĐKCT.</p>
<p>28. Chấm dứt hợp đồng</p>	<p>28.1. Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn; b) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập; c) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng; d) Các hành vi khác quy định tại ĐKCT. <p>28.2. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 28.1 ĐKC thì Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng do mình thực hiện.</p> <p>28.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo quy định tại điểm b Mục 28.1 ĐKC, Chủ đầu tư không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p>

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **ĐKCT** phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát hành HSYC.

ĐKC 1.1	Chủ đầu tư là: Viện Tim Thành phố Hồ Chí Minh
ĐKC 1.3	Nhà thầu: ___[ghi tên Nhà thầu trúng thầu].
ĐKC 1.11	Địa điểm Dự án/Điểm giao hàng cuối cùng là: 04 Dương Quang Trung, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
ĐKC 2.7	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: <ul style="list-style-type: none">- Thương thảo hợp đồng;- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;- HSYC;- HSDX;- Văn bản làm rõ HSDX (nếu có);- Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng (nếu có);- Bản gốc thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng;- Các văn bản làm rõ HSYC, HSDX và các tài liệu khác liên quan.
ĐKC 4	Chủ đầu tư không thể ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
ĐKC 5.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: Viện Tim Thành phố Hồ Chí Minh Địa chỉ: 04 Dương Quang Trung, Phường 12, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: (028) 3865 1586- 3979 7771
ĐKC 6.1	<ul style="list-style-type: none">- Thời hạn thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng của nhà thầu là ngay sau khi hoàn thành thương thảo hợp đồng, trước khi ký kết hợp đồng thầu và trong thời gian tối đa là 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng thầu.- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng hình thức thư bảo lãnh của một ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 05% giá hợp đồng.- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: cộng thêm 30 ngày kể từ ngày hợp đồng hết hiệu lực.
ĐKC 6.2	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: 30 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu.
ĐKC 7.1	Danh sách Nhà thầu phụ: ___[ghi danh sách Nhà thầu phụ phù hợp với danh sách Nhà thầu phụ nêu trong HSDX].
ĐKC 7.3	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về Nhà thầu phụ: ___[ghi yêu cầu khác về Nhà thầu phụ (nếu có)].
ĐKC 8.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày. Giải quyết tranh chấp: Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh

	chấp ra Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
ĐKC 10	Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây: hóa đơn, biên bản nghiệm thu hàng hóa.
ĐKC 12.1	Loại hợp đồng: Trọn gói.
ĐKC 12.2	Giá hợp đồng: ___ [<i>ghi giá hợp đồng theo quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu</i>].
ĐKC 13	Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng: Không áp dụng.
ĐKC 14	Điều chỉnh thuế: Không được phép.
ĐKC 15.1	<p>Phương thức thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức thanh toán chuyển khoản 100% - Điều kiện thanh toán: hàng hóa được xem là đủ điều kiện thanh toán khi đã được giao cho Bên mua, được kiểm tra, kiểm nghiệm chất lượng và được cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ - Thời hạn thanh toán: Bên mời thầu sẽ thanh cho nhà thầu trong vòng 120 ngày kể từ ngày nhận hàng hóa trúng thầu và đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ
ĐKC 19	<p>Đóng gói hàng hóa: đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Còn nguyên hộp, nguyên đai, nguyên kiện (đối với hàng chần) - Còn nguyên nhãn, mác, tem: không được cạo, sửa, tẩy, xóa,..
ĐKC 20	Nội dung bảo hiểm: <i>Nhà thầu phải mua bảo hiểm theo quy định pháp luật hiện hành (nếu có), tuy nhiên những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng do Nhà thầu chi trả.</i>
ĐKC 21	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Viện Tim Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: 04 Dương Quang Trung, Phường 12, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh. - Yêu cầu giao hàng trong 24 giờ sau khi nhận đơn đặt hàng. - Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Việc bảo quản hàng hóa trong quá trình vận chuyển phải đảm bảo đúng yêu cầu về nhiệt độ, độ ẩm...ghi trên bao bì của hàng hóa.
ĐKC 22.1	Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: trong quá trình tiếp nhận hàng hóa sau khi đã công bố kết quả đấu thầu, trong giai đoạn thực hiện hợp đồng, có toàn quyền duy trì sự kiểm tra và thử nghiệm, các hàng hóa không đáp ứng yêu cầu sẽ bị từ chối tiếp nhận, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác để đáp ứng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật và miễn phí hoàn toàn. Nếu không đáp ứng được thì Bên mời thầu sẽ ngưng thực hiện hợp đồng với nhà thầu.
ĐKC 23	<p>Trưởng hợp nhà thầu giao hàng chậm thì sẽ bị phạt theo quy định sau:</p> <p>Mức khấu trừ: 1% tổng giá trị hàng hóa nếu giao chậm trong 7 ngày.</p> <p>Mức khấu trừ tối đa: 5 % tổng giá trị hàng hóa giao chậm</p>
ĐKC 24.1	Nội dung yêu cầu bảo đảm khác đối với hàng hóa: Hàng hóa cung cấp phải mới 100%, có ghi xuất xứ, nguồn gốc và năm sản xuất rõ ràng.
ĐKC 24.2	Yêu cầu về bảo hành:

	<ul style="list-style-type: none"> - Hàng hóa phải đảm bảo còn đầy đủ chất lượng - Trường hợp phát hiện các mặt hàng đã cung cấp kém chất lượng, bên mua sẽ thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu để xử lý. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày bên mời thầu gửi thông báo cho Nhà thầu, nếu nhà thầu không liên hệ, trả lời bằng văn bản xử lý các vấn đề có liên quan đến hàng hóa kém chất lượng thì bên mời thầu xem như Nhà thầu không thực hiện chế độ bảo hành, bên mời thầu sẽ lập Hội đồng xử lý các mặt hàng kém chất lượng đó theo quy định hiện hành. - Mọi chi phí, trách nhiệm liên quan đến việc hàng hóa kém chất lượng gây ra trong thời gian còn hạn dung Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.
ĐKC 26	Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: <i>sẽ được xác định cụ thể khi thương thảo hợp đồng hoặc khi hoàn thiện hợp đồng (nếu có).</i>
ĐKC 27.4	Các trường hợp khác: <i>sẽ được xác định cụ thể khi thương thảo hợp đồng hoặc khi hoàn thiện hợp đồng (nếu có).</i>
ĐKC 28.1 (d)	Các hành vi khác: <i>sẽ được xác định cụ thể khi thương thảo hợp đồng hoặc khi hoàn thiện hợp đồng (nếu có).</i>

Chương VII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng.

Biểu mẫu 12

HỢP ĐỒNG ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [*ghi tên gói thầu*]

Thuộc dự án: _____ [*ghi tên dự án*]

- Căn cứ ⁽²⁾ ____ (Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội);
- Căn cứ ⁽²⁾ ____ (Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 của Quốc hội);
- Căn cứ ⁽²⁾ ____ (Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu);
- Căn cứ ____ [*căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp*];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư [*ghi tên Chủ đầu tư*]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (*trường hợp được ủy quyền*).

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với **ĐKCT**.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

⁽²⁾ *Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.*

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên Nhà thầu [ghi tên Nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
5. Điều kiện chung của hợp đồng;
6. Hồ sơ đề xuất và các tài liệu làm rõ hồ sơ đề xuất của Nhà thầu (nếu có);
7. Hồ sơ yêu cầu và các tài liệu sửa đổi, làm rõ hồ sơ yêu cầu (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm

được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng*].

2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức quy định tại Mục 15.1 ĐKCT.

Điều 6. Loại hợp đồng: ____ [*ghi loại hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 12.1 ĐKCT*].

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 1 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu, HSDX và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ____ [*ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng*].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành __ bộ, Chủ đầu tư giữ __ bộ, Nhà thầu giữ __ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ
ĐẦU TƯ**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu]*

**PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG**

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở HSYC, HSDX của Nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 04, Mẫu số 04a, Mẫu số 04b Chương III – Biểu mẫu trong HSYC này].

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong hồ sơ yêu cầu (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] ở ____ [*ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾*] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [*ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 6.1 ĐKCT của HSYC*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số ____ [*ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 6.1 ĐKCT

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 6.1 ĐKCT

PHỤ LỤC I: YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA

Danh mục hàng hóa yêu cầu cung cấp được liệt kê trong bảng sau:

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Đặt tính kỹ thuật hàng hóa	Nhà sản xuất	Nước Sản xuất	Mã Hàng	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Phân nhóm theo TT14	Phân loại theo ND36	Số lượng dự kiến
1	ACL TOP 550 - High Abnormal Control Assayed	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho XN đông máu như PT,APTT, Hepatocomplex ở dải đo bất thường cao	Instrumentation Laboratory Company, Mỹ	Mỹ	0020003310	Hộp/10x1ml	Hộp	1	C	5
2	ACL TOP 550 - Normal Control Assayed	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho XN đông máu như PT, APTT, TT, Fibrinogen, các loại yếu tố, yếu tố Von Willebrand, Antithrombin, Plasminogen, Plasmin Inhibitor, Protein S, Protein C, Hepatocomplex ở dải đo bình thường	Instrumentation Laboratory Company, Mỹ	Mỹ	0020003110	Hộp/10x1ml	Hộp	1	C	5
3	AU 680 - Transferrin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Transferrin ; dải đo: 0.75 -7.5 g/L	Beckman Coulter Ireland inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	OSR6152	Hộp/4x7mL+ 4x8mL	Cặp	3	B	2
4	AU 680 - Vancomycin Assay	Hóa chất sử dụng cho xét nghiệm Vancomycin. Dải đo: 2.0–50.0 µg/mL (1.3–34 µmol/L).	Siemens Healthcare Diagnostics Inc., USA	Mỹ	OSR4W229	Hộp/2x32ml +2x16ml (400 test/hộp)	Hộp	3	C	2

5	AU 680 Amylase	Hóa chất dùng cho xét nghiệm α -Amylase ; dải đo: 10-2000 U/L	Beckman Coulter	Ailen	OSR6006	Hộp /4l \times 240test	Lọ	3	B	6
6	AU 680 Bilirubin Total	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total Bilirubin ; dải đo: 0-513 umol/L	Beckman Coulter Ireland inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	OSR6212	Hộp/4 cặp x (40mL+40mL)/ 4 x1570test	Cặp	1	B	1
7	AU 680 lactate (buffer+Lyo)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Lactate ; dải đo: 0.22-13.32 mmol/L	Sentinel CH.SpA/Ý sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ý	OSR6193	Hộp/40mLR1 +4R1lyo)/ 220 test	Cặp (buffer +Lyo)	3	B	3
8	AU 680 Protein total	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total Protein ; dải đo: 30-120 g/L	Beckman Coulter Ireland inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	OSR6232	Hộp/ 4 cặp x (48mL+48mL)/ 4x1440test	Cặp	3	B	2
9	AU680 HbA1c	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HbA1c ; dải đo: 4-15%	Roche Diagnostics GmbH Centralised and point of Care Solutions, Đức sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Đức	B00389	Hộp/2x37.5mL+2x7.5mL+2x34.5mL+5x2ml cal/ 500 test	Hộp	3	B	3
10	CK-MB calibrator	Calib cho xét nghiệm CK-MB. Thành phần:Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa isoenzyme creatin kinase-MB	Aalto Scientific Ltd./ Mỹ sản xuất cho Beckman Coulter Ireland inc., Ai-len	Mỹ	ODR30034	Lọ/1x1ml	Lọ	3	C	1
11	Cleaning Solution	Dung dịch rửa dùng cho xét nghiệm điện giải.	Beckman Coulter Ireland inc., Ai-len	Ai-len	66039	Bình/450ml	Bình	3	A	1
12	DxH - Retic Pack	Hóa chất sử dụng trên hệ thống phân tích tế bào tự động để làm sạch hồng cầu và nhuộm hồng cầu lưới.	Beckman Coulter	Mỹ	628021	1900ml + 380ml	Hộp	1	B	2

13	HbA1c Liquid control	QC cho xét nghiệm HbA1c. Thành phần: Các tế bào hồng cầu ở người	Canterbury Scientific Ltd., New Zealand	New Zealand	B12396	Hộp/2x2x1ml	Hộp	6	B	1
14	Hemolyzing Reagent	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xn HbA1c. 1ml/mẫu.	Roche Diagnostics GmbH, Đức sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Đức	472137	Hộp/1000ml	Hộp	3	B	2
15	ISE Buffer	Hóa chất dùng cho xét nghiệm điện giải. Thành phần: dung dịch đệm dùng cho quá trình phân tích của khối điện giải trên máy.	Beckman Coulter Ireland inc., Ai-len	Ailen	66320	Bình 2 lít	Bình	3	A	14
16	ISE MID STANDARD	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm điện giải. Thành phần: dung dịch dùng cho quá trình phân tích của khối điện giải trên máy.	Beckman Coulter Ireland inc., Ai-len	Ailen	66319	Bình 2 lít	Bình	3	B	16
17	ISE STD high	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm điện giải. Thành phần: dung dịch chuẩn mức cao dùng cho quá trình phân tích của khối điện giải trên máy với mẫu huyết thanh/huyết tương.	Beckman Coulter Ireland inc., Ai-len	Ai-len	66316	Bình/ 100ml	Bình	3	B	1
18	ISE STD low	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm điện giải. Thành phần: Dung dịch chuẩn mức thấp dùng cho quá trình phân tích của khối điện giải trên máy với mẫu huyết thanh/huyết tương.	Beckman Coulter Ireland inc., Ai-len	Ai-len	66317	Bình/ 100ml	Bình	3	B	1

19	RF Calibrator	Calib cho xét nghiệm RF.	Denka Seiken Co., Ltd./Nhật Bản sản xuất cho Beckman Coulter/Mỹ	Nhật Bản	ODC0028	Hộp/5x1ml	Hộp	3	B	1
20	RF Latex	Dùng cho xét nghiệm RF Latex ; dải đo: 10-120 IU/L	Denka Seiken Co., Ltd., Nhật Bản sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Nhật Bản	OSR61105	Hộp/4 cặp x (24ml+8ml)/ (4x 250 test)	Cặp	3	B	1
21	Serum protein multicalibrator 1	Calib cho các xét nghiệm Protein đặc biệt. Thành phần: dịch huyết thanh (pH = 7) có chứa nồng độ khác nhau của các protein (người) sau đây: Kháng thể IgG, Kháng thể IgA, Kháng thể IgM, Bô thể C3, Bô thể C4, Transferrin, Protein phản ứng C...	Cliniqa Corporation, Mỹ sản xuất cho Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Mỹ	ODR3021	Hộp/6x2mL (6levels)	Hộp	3	B	1
22	Urine/CSF Albumin Calibrator	Calib cho xét nghiệm albumin nước tiểu/dịch não tủy.	Beckman Coulter, Inc., Mỹ sản xuất cho Beckman Coulter Ireland inc., Ai-len	Mỹ	B38859	Hộp/5x2ml	Hộp	3	B	1
23	Đầu tip có lọc 10 μ L	Đầu tip có lọc 10 μ L	Nam Khoa	Việt Nam	SE03.4	Hộp/96 tips	Hộp	5	A	100
24	Đầu tip có lọc 1000 μ L	Đầu tip có lọc 1000 μ L	Nam Khoa	Việt Nam	SE03.7	Hộp/96 tips	Hộp	5	A	100
25	Đầu tip có lọc 200 μ L	Đầu tip có lọc 200 μ L	Nam Khoa	Việt Nam	SE03.6	Hộp/96 tips	Hộp	5	A	50

26	NK-COAGULASE TEST	Bịch 10 lọ. Dạng bột chứa trong lọ dùng thực hiện thử nghiệm coagulase bằng huyết thỏ đông khô để định danh Staphylococcus	Nam Khoa	Việt Nam	MI005ID	Hộp / 10 lọ	Lọ	5	A	70
27	Bộ kit tách chiết DNA-RNA	<ul style="list-style-type: none"> - Kit tách chiết DNA/RNA virus tự động - Nguồn mẫu: đa dạng, huyết tương, huyết thanh, các dịch cơ thể, môi trường nuôi cấy tế bào và dịch hòa mẫu phết ... - Cung cấp đầy đủ vật tư tiêu hao tương thích để sử dụng trên máy ZIXPRESS - Thời gian tách chiết DNA, RNA nhỏ hơn 35 phút và không sử dụng máy ly tâm - Bộ thuốc thử bảo quản ở nhiệt độ phòng - Độ tinh sạch của sản phẩm DNA, RNA sau tách chiết đạt chỉ số OD 260/280 trong khoảng 0,9-2,4 và đạt độ nhạy cao. - Phù hợp với tất cả các dòng máy tách chiết hệ mở (ZIXPRESS,...) 	Nam Khoa	Việt Nam	LS022PA	Bộ/96 test	Test	5	A	9,600

28	Môi trường vận chuyển virus (VTM)	<ul style="list-style-type: none"> - Có chứa chất giúp ổn định DNA và RNA, bảo quản mẫu bệnh phẩm đường hô hấp. - Có chứa kháng sinh giúp ngăn ngừa sự phát triển của vi khuẩn, vi nấm thường trú ở vùng mũi hầu. - Môi trường được chứa trong tube nắp vặn chặt đảm bảo an toàn sinh học trong quá trình chuyên chở bệnh phẩm. - Độ vô trùng: 100%. - Khả năng bảo vệ DNA hoặc RNA: 48 giờ. - Quy cách của ống chứa môi trường: ống falcon 15mL - Thể tích môi trường: tối thiểu 3mL/ống - Bảo quản: 2-8°C 	Nam Khoa	Việt Nam	MI005CP	Hộp/20 tube	Tube	5	A	9,000
29	Multiconstituent Calibrator	Hoá chất chuẩn các xét nghiệm Albumin, Calcium, Cholesterol, Creatinine, Glucose, Iron, Lactic Acid, Magnesium, Phosphorus, Total Protein, Tryglyceride, Urea Nitrogen và Uric Acid.	Fisher Diagnostics	Mỹ	1E65-06	Hộp/ 6 chai x 5ml	Hộp	3	B	3
30	Pre Trigger Solution	Chất tiền xử lý dùng trên máy. Thành phần: 1,32% (w/v) hydrogen peroxide.	Abbott Ireland Diagnostics Division (Sligo)	Ireland	6E23-68	Hộp/ 4 chai x 975 ml	Hộp	3	B	10

31	Trigger Solution	Dung dịch rửa cho kỹ thuật miễn dịch vi hạt hoá phát quang linh hoạt 2 bước rửa; chứa 1.32% hydrogen peroxide.	Abbott Ireland Diagnostics Division (Sligo)	Ireland	6C55-63	Hộp/ 4 chai x 975 ml	Hộp	3	B	10
32	Bộ Kit Realtime PCR	-Bộ kit phát hiện virus SARS-CoV-2 bằng phương pháp Realtime-PCR trên các mẫu bệnh phẩm đường hô hấp. - Gen đích: bao gồm gen E / gen N / gen RdRP / gen S, có khả năng phát hiện chủng đột biến.- Tích hợp trong một sản phẩm phản ứng PCR tất cả các gen E, N, RdRP, S- Chứng dương, chứng âm- Tích hợp chứng nội giúp kiểm soát quá trình tách chiết và hoạt động phản ứng PCR- Giới hạn phát hiện: ≤50 copies / phản ứng- Độ đặc hiệu: không có phản ứng chéo với các tác nhân hô hấp khác bao gồm: SARS, MERS và các virus liên quan đến SARS.- Thời gian phát hiện trên máy RT-PCR: ≤ 120 phút- Thích hợp với hệ thống RT-PCR: CFX 96 Touch- Bảo quản ở nhiệt độ: -20 đến -30 độ C	Seegene Inc.	Hàn Quốc	RV10248X	Hộp/100 test	Test	2	D	7,500

33	Chai cấy máu người lớn	Định tính nhằm mục đích nuôi cấy và phục hồi vi sinh vật (vi khuẩn và nấm men) hiếu khí từ máu. Resin hoặc chất tương đương được bổ sung môi trường nhằm tăng khả năng phục hồi vi sinh vật mà không cần những quy trình đặc biệt khác. Thể tích mẫu máu tối ưu 8-10mL	Becton Dickinson Caribe Ltd	Mỹ	442192/442023	Hộp/50 chai	Chai	1	B	800
34	Chai cấy máu trẻ em	Định tính nhằm nuôi cấy và phục tráng vi sinh vật hiếu khí (chủ yếu là vi khuẩn và nấm men) từ mẫu máu bệnh nhi và các mẫu máu có thể tích dưới 3mL. Resin hoặc chất tương đương được bổ sung môi trường nhằm tăng khả năng phục tráng vi sinh vật mà không cần những quy trình đặc biệt khác. Thể tích mẫu tối ưu là 1-3mL	Becton Dickinson Caribe Ltd	Mỹ	442194/442020	Thùng/50 chai	Chai	1	B	250
35	CEA Reagent Elecsys Kit	Xét nghiệm invitro dùng để định lượng kháng nguyên carcinoembryoni trong huyết thanh và huyết tương người	Roche	Đức	11731629322	Hộp/100 test	Hộp	3	C	6
36	Clean-Cell M	Làm sạch các tín hiệu điện tử trong xét nghiệm miễn dịch. Rửa hệ thống đường ống trong máy. Rửa bề mặt điện cực sau mỗi phản ứng. Ổn định điện cực. Độ ổn định trên hệ thống : ≥ 3 ngày	Thermo Fisher Scientific (Suzhou) Instruments Co., Ltd.,	Trung Quốc	04880293190	Hộp/2 Bình x 2L	Hộp	4	A	20

37	Coaguchek XSPT	Xét nghiệm nhanh đông máu thực hiện trên máy Coaguchek	Roche	Đức	0462531517 2	Hộp/48 test	Test	1	C	2,400
38	Evo - Precicontrol Troponin	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch định lượng men tim hsTnT, hsTnT STAT	Roche	Đức	0509510719 0	Hộp/4 x 2 ml	Hộp	3	C	4
39	Evo Cortisol Calset Elec	Chuẩn xét nghiệm định lượng Elecsys Cortisol	Roche	Đức	0668775019 0	Hộp/4x1ml	Hộp	1	B	1
40	Evo Anti HBs Reagent	Định lượng kháng thể của người kháng kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B trong huyết thanh và huyết tương người.	Roche	Đức	0849859819 0	Hộp/100 test	Hộp	1	C	3
41	Evo Precicontrol Anti HBs	Kiểm tra chất lượng các xét nghiệm Anti HBs.	Roche	Đức	1187631712 2	Hộp/16x1.3ml	Hộp	3	D	1
42	Evo Troponin T Hs Calset	Chuẩn định xét nghiệm miễn dịch định lượng hsTnT	Roche	Đức	0509275219 0	Hộp/4x1ml	Hộp	1	C	1
43	Chương trình ngoại kiểm đông máu	Chương trình ngoại kiểm đông máu	Randox	Anh	RQ 9135	Hộp/6 x 1ml	Hộp	3	A	2
44	Chương trình ngoại kiểm huyết học	Chương trình ngoại kiểm huyết học	Randox	Anh	RQ 9140	Hộp/3 x 2 ml	Hộp	3	A	4
45	Chương trình ngoại kiểm khí máu	Chương trình ngoại kiểm khí máu	Randox	Anh	RQ 9134	Hộp/6x1,8ml	Hộp	3	A	2
46	Chương trình ngoại kiểm Sinh Hóa	Chương trình ngoại kiểm Sinh Hóa	Randox	Anh	RQ9128	Hộp/6 lọ x 5ml	Hộp	3	A	2

47	Chương trình ngoại kiểm tim mạch	Chương trình ngoại kiểm tim mạch	Randox	Anh	RQ9190	Hộp/6 x 3 ml	Hộp	3	A	2
48	Ngoại kiểm tra HbA1c	Chương trình ngoại kiểm HbA1c 2 thống số hoặc tương đương. Chương trình bắt đầu tháng 1-12 hàng năm.	Randox	Anh	RQ9129	Hộp/ 6 lọ x 0.5ml	Hộp	3	A	2
49	Malaria (PF+PV) Antigen test hoặc tương đương	Thử nghiệm phát hiện nhanh sốt rét đặc hiệu với P.falciparum và P.vivax trong máu người	Humasis	Hàn Quốc	AMFV-7025	Hộp/ 25 test	Test	4	B	1,800
50	STA - Liatest Control N+P	Hóa chất thay thế cho hỗn hợp huyết tương người khỏe mạnh dùng trong các xét nghiệm như APTT hỗn hợp...	Stago	Pháp	00526	Hộp/12x2x1 ml	Hộp	3	B	1
51	STA - Liatest D-Di Plus	Hóa chất định lượng D Dimer	Stago	Pháp	00662	Hộp/6x6ml	Hộp	3	B	1
52	STA COAG Control N+P	Các giá trị chứng của mỗi thông số có thể khác nhau giữa các lô thuốc thử, nhưng được chỉ định rõ ràng cho mỗi lô. Giá trị chứng gồm hai mức (bình thường và bệnh lý) cho các thông số: PT, Fibrinogen, APTT, TT và ATIII.	Stago	Pháp	00679	Hộp/12x2x1 ml	Hộp	3	B	2

Tổng cộng: 52 mặt hàng